

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Marketing
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Marketing
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung
Khóa	: 2021 - 2025

*(Ban hành theo quyết định số 1150/QĐ-ĐHHS ngày 31 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)*

Phiên bản 02 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021 – 2022

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình Marketing (bậc Đại học) đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, cộng đồng, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể chương trình Marketing thể hiện các mục tiêu giáo dục sau:

1. Vận dụng các kiến thức về marketing hiện đại và các kỹ năng vào trong thực tế của môi trường kinh doanh hội nhập toàn cầu thông qua việc tiếp cận một cách có hệ thống tiến trình marketing và triển khai các hoạt động marketing xuyên suốt trong các hoạt động của tổ chức.
2. Nắm vững các kiến thức nền tảng bắt buộc cho các công việc liên quan đến marketing và có thể tiếp cận các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị các hoạt động marketing, vận dụng phù hợp trong từng tình huống cụ thể.
3. Có những kiến thức và kỹ năng xã hội cơ bản phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có khả năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm; có khả năng giao tiếp tiếng Anh trong công việc, học tập và nghiên cứu.

1.2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Marketing (bậc Đại học), sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo bởi Hội đồng kiểm định các trường và Chương trình đào tạo về kinh doanh của Mỹ (tổ chức ACBSP) như sau:

❖ Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

1. Áp dụng các nguyên tắc đạo đức cá nhân và chuẩn mực đạo đức kinh doanh vào hoạt động chuyên môn và trách nhiệm xã hội
2. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

❖ Năng lực chuyên môn

1. Sử dụng các công cụ phân tích chuyên môn để có thể dự kiến những thay đổi của môi trường vĩ mô và vi mô có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Áp dụng các kiến thức chuyên môn vào việc lập kế hoạch tổ chức nghiên cứu marketing, hiểu được tâm lý và hành vi mua của khách hàng và vận dụng các công cụ Marketing tích hợp (Quảng cáo, Khuyến mãi, Quan hệ công chúng, Digital, CRM ..) trong các tổ chức kinh doanh.
3. Xây dựng chiến lược marketing phù hợp để duy trì và phát triển thương hiệu cũng như tạo được lợi thế cạnh tranh dài hạn cho doanh nghiệp và đánh giá được hiệu quả của các công cụ và chiến lược Marketing này.

Ngoài ra, đối với từng chuyên ngành, sau khi tốt nghiệp người học còn tích lũy được những năng lực chuyên môn như sau:

a/ Năng lực chuyên môn đối với chuyên ngành Quản trị Marketing

- i. Lập chiến lược & kế hoạch quản trị Marketing cho doanh nghiệp.
- ii. Thực hiện các chiến thuật và các hoạt động Marketing cho doanh nghiệp như: Quản trị Quan hệ khách hàng, xây dựng Brand, quản trị Marketing B2B, Quản trị Marketing Dịch vụ v.v....
- iii. Thực thi các công cụ Truyền thông & Marketing để áp dụng vào thực tế doanh nghiệp.

b/ Năng lực chuyên môn đối với chuyên ngành Quản trị kênh Marketing hiện đại

- i. Có kỹ năng chuyên môn để quản lý các kênh Marketing hiện đại trong Doanh nghiệp.
- ii. Thực hiện các hoạt động chức năng trong tổ chức kênh Marketing hiện đại như: Bán lẻ, khuyến mãi, điều hành bán hàng đa kênh v.v...
- iii. Có khả năng tự học & nâng cao kiến thức chuyên môn để đáp ứng nhu cầu của việc quản trị các kênh Marketing hiện đại

❖ Khả năng hội nhập và học tập suốt đời

1. Kỹ năng tư duy phản biện, phân tích lập luận đánh giá các quy trình và giải pháp hợp lý.
2. Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh tương đương trình độ B1.
3. Có kỹ năng tự học các kiến thức bổ trợ các chuyên ngành khác để phục vụ cho hướng công việc tương lai.
4. Có kỹ năng tự học và tích lũy kinh nghiệm thực tế để có cơ hội tự làm chủ trong kinh doanh.

❖ Cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có đủ năng lực đảm nhận các vị trí chuyên viên hoặc quản lý ở các tổ chức, công ty sản xuất hoặc dịch vụ trong các lĩnh vực như: Tổ chức sự kiện, Nghiên cứu thị trường, Quảng cáo, Xây dựng kênh phân phối, Bán hàng, Phát triển sản phẩm mới, Tổ chức hoạt động khuyến mãi, Trưng bày hàng hóa, Chăm sóc khách hàng, Thương hiệu, ...

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 Tín chỉ (không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết)

Đầu khóa học sinh viên được xếp lớp:

a. Trình độ ngoại ngữ:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn anh văn (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. Trình độ tin học:

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH ngày 5 tháng

11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH ≥ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH ≥ 5.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Marketing của Trường Đại học Hoa Sen.

6. Thang điểm

TT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1 Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				165	11	

7.1.2 Khoa học xã hội

– Bắt buộc (3 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng				45	3	

– Tự chọn (6 tín chỉ): chọn 2 môn trong số các môn dưới đây

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
-----	------	------------------------	-----------------------	--------------	---------	---------

1	DC115DV01	Phương pháp học Đại học	Study Skills in Higher Education	45	3	
2	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	45	3	
3	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skill	45	3	
4	DC119DV02	Giới và Phát triển tại Việt Nam	Gender and Development in Vietnam	45	3	
5	DC208DV02	Giao tiếp liên Văn hoá	Intercultural Communication	45	3	
6	PSY107DV01	Tâm lý học: Khái niệm và ứng dụng	Introduction to Psychology	45	3	
7	DC152DV01	Khoa học trái đất	Earth Science	45	3	
8	DC155DV01	Luật an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu toàn cầu	Cyber Security and Data Privacy Law	45	3	
9	DC151DV01	Xã hội học	Introduction to Sociology	45	3	
10	DC120DV02	Con người và Môi trường	Human and the Environment	45	3	
11	DC150DV01	Nhân học và đời sống	Anthropology in Practice	45	3	
Cộng				90	6	

7.1.3 Khoa học tự nhiên – Tin học

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng				45	3	

7.1.4 Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC4	105	5	
2	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
3	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng				315	15	

7.1.5 Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

7.1.6 Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

7.1.7 Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 TC

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Introduction to marketing	45	3	(#)
2	TC202DV01/ TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	45	3	(#)
3	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to	45	3	

			Accounting			
4	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	45	3	(#)
5	NS207DV02/ NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	45	3	(#)
6	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	(#)
7	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	(#)
8	QT115DV01	Luật và đạo đức kinh doanh	Business Law and Ethics	45	3	
9	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	45	3	
10	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	45	3	
Cộng				450	30	

7.2.2 Kiến thức ngành chính

7.2.2.1 Kiến thức chung ngành chính

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK202DE01/ MK202DV01	Hành vi người tiêu dùng	Consumer Behavior	45	3	(#)
2	MK208DV01	Nghiên cứu Marketing	Marketing Research	45	3	
3	MK317DE01/ MK317DV01	Chiến lược Marketing	Marketing Strategy	45	3	(#)
4	MK308DE02/ MK308DV02	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp (IMC)	Integrated Marketing Communications Management	45	3	(#)
Cộng				180	12	

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu ngành chính

➤ Chuyên ngành Quản trị Marketing (Marketing Management)

– Bắt buộc:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK403DV01/ MK403DE01	Quản trị quan hệ khách hàng	Customer Relationship Management	45	3	(#)
2	MK309DE01/ MK309DV01	Quản trị Marketing	Marketing Management	45	3	(#)
3	MK302DV01/ MK302DE01	Marketing Quốc tế	International Marketing	45	3	(#)
4	MK402DE01/ MK402DV01	Quản trị Marketing B2B	B2B Marketing Management	45	3	(#)
5	MK404DE01/ MK404DV01	Marketing dịch vụ	Service Marketing	45	3	(#)
6	MK401DE02/ MK401DV02	Quản trị thương hiệu	Brand Management	45	3	(#)
7	MK307DE01/ MK307DV01	Quản trị sản phẩm	Product Management	45	3	(#)
8	MK316DE01/ MK316DV01	Chiến lược định giá	Pricing Strategy	45	3	(#)
Cộng				360	24	

– Tự chọn bắt buộc (chọn 4 trên 6 môn):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK304DE02/ MK304DV02	Quan hệ công chúng	Public Relations	45	3	(#)
2	MK318DE01/ MK318DV01	Phương tiện truyền thông Marketing xã hội	Social Media Marketing	45	3	(#)
3	MK406DE01/ MK406DV01	Marketing nội dung	Content Marketing	45	3	(#)
4	MK310DE01/ MK310DV01	Quản trị bán hàng	Sales Management	45	3	(#)
5	MK407DE01/ MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	Events and Sponsors Management	45	3	(#)
6	MK319DE01/ MK319DV01	Quá trình sáng tạo	Creative Process	45	3	(#)
Cộng				180	12	

➤ **Chuyên ngành Quản trị kênh Marketing hiện đại (Modern Marketing Channel Management)**

– Bắt buộc:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK306DE01/ MK306DV01	Quản trị bán lẻ	Retail Management	45	3	(#)
2	MK310DE01/ MK310DV01	Quản trị bán hàng	Sales Management	45	3	(#)
3	MK411DE01/ MK411DV01	Quản trị khuyến mãi	Sales Promotion Management	45	3	(#)
4	MK305DE01/ MK305DV01	Quản trị kênh Marketing	Channel Marketing Management	45	3	(#)
5	NT305DV01/ NT305DE01	Nhượng quyền kinh doanh	Franchising	45	3	(#)
6	MK412DE01/ MK412DV01	Quản trị bán hàng B2B	B2B Sales Management	45	3	(#)
7	MK413DV01	Điều hành bán hàng đa kênh	Omni Channel Operations	45	3	(#)
8	NT401DV01/ NT401DE01	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Management	45	3	(#)
Cộng				360	24	

– Tự chọn bắt buộc (chọn 4 trên 6 môn):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK403DV01/ MK403DE01	Quản trị quan hệ khách hàng	Customer Relationship Management	45	3	(#)
2	MK303DV02/ MK303DE02	Marketing trực tiếp & định hướng dữ liệu	Direct & Data Driven Marketing	45	3	(#)
3	MK302DV01/ MK302DE01	Marketing Quốc tế	International Marketing	45	3	(#)
4	NT209DV01/	Thương mại điện tử	E-commerce	45	3	(#)

	NT209DE01					
5	QT401DV03/ QT401DE03	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	45	3	(#)
6	MK407DE01/ MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	Events and Sponsors Management	45	3	(#)
Cộng				180	12	

– Đề án môn học

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK315DV02	Đề án chuyên ngành	Marketing Project	0	2	
Cộng				0	2	

7.2.3 Tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học 3 môn thay thế tốt nghiệp.

Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn học thêm.

8. Các phụ lục đính kèm:

- Kế hoạch học tập: Các kế hoạch học tập đúng hạn (4 năm)
- Bảng đối chiếu Chuẩn đầu ra của CTĐT và môn học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- 9.1. Trong Chương trình đào tạo có các môn dạy bằng tiếng Anh (mã DE) có ghi chú (#), sinh viên có thể lựa chọn học bằng tiếng Anh (mã DE) hoặc tiếng Việt (mã DV) nhưng tối thiểu phải học 8 môn bằng tiếng Anh (mã DE) trong những môn học này.
- 9.2. Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- 9.3. Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC...
- 9.4. Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

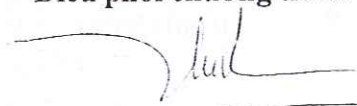
Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày 15. tháng 4. năm 2021
P. Trưởng Khoa KTQT


Dean
Đoàn Minh Châu

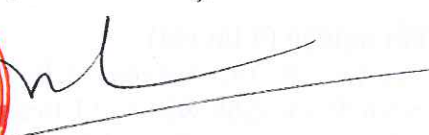
Ngày 14. tháng 4. năm 2021
Điều phối chương trình


TRẦN THỊ THU HIỀN

Ngày 31. tháng 5. năm 2021



Q. HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. VÕ THỊ NGỌC THÚY



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Mẫu 1b

Ngành: **MARKETING**

Bậc: **ĐẠI HỌC**

Khóa: **2021-2025 (Phiên bản 02)**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Marketing được ban hành theo quyết định số 1150 /QĐ-ĐHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 31/5/2021...)

HỌC KỲ 1

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158	
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45	
4	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45	
5	Môn tự chọn KHXH 1			3	45	
Tổng cộng				9	451	

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165	
Tổng cộng				0	165	

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV015DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3
3	TINV002DV01	Tin học dự bị	Pre MS Office 2	0	45	
4	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30	
5	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế Vi mô	Microeconomics	3	45	
6	Môn tự chọn KHXH 2			3	45	
Tổng cộng				13	375	

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4
Tổng cộng				5	105	

HỌC KỲ 3

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
2	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin
3	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	3	45	
4	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45	
5	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	3	45	
6	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	3	45	
7	Môn Giáo dục thể chất 1			1	30	
Cộng				20	345	

HỌC KỲ TẾT: SV học vượt hoặc trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 4

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	MK202DV01/ MK202DE01	Hành vi người tiêu dùng	Consumer Behavior	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
2	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	QT115DV01	Luật và đạo đức kinh doanh	Business Law and Ethics	3	45	-
5	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45	
6	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	TINV002DV01_Tin học dự bị
7	Môn Giáo dục thể chất 2			1	30	
Tổng cộng				18	285	

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	MK250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	7 tuần	

HỌC KỲ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	MK208DV01	Nghiên cứu Marketing	Marketing Research	3	45	KHTQ113DV01- Thống kê trong kinh doanh
2	MK308DE02/ MK308DV02	Quản trị truyền thông marketing tích hợp (IMC)	Integrated Marketing Communications Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	NS207DV02/ NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	QT106DV02- Quản trị học AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	MK317DE01/ MK317DV01	Chiến lược Marketing	Marketing Strategy	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
5	TC202DV01/ TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
6	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh
7	Môn Giáo dục thể chất 3			1	30	
Tổng cộng				18	285	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 6 - CHUYÊN NGÀNH - SV chọn học 1 trong 3 chuyên ngành để học kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành (*) (8 môn bắt buộc và 4 môn tự chọn bắt buộc)						
Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	MK315DV02	Đề án Dự án Marketing	Marketing Project	2	30	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản MK308DV01/DE01_Quản trị truyền thông Marketing tích hợp
Trường hợp 1: Chuyên ngành Marketing Management - Quản trị Marketing						
Môn bắt buộc chuyên ngành Marketing Management - Quản trị Marketing						
2	MK307DE01/ MK307DV01	Quản trị sản phẩm	Product Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	MK316DE01/ MK316DV01	Chiến lược định giá	Pricing Strategy	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5

4	MK309DE01/ MK309DV01	Quản trị Marketing	Marketing Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
5	MK302DV01/ MK302DE01	Marketing Quốc tế	International Marketing	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
6	MK401DE02/ MK401DV02	Quản trị thương hiệu	Brand Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
Trường hợp 2: Chuyên ngành Modern MKT Channel Management – Quản trị kênh MKT hiện đại						
Môn bắt buộc chuyên ngành Modern MKT Channel Management – Quản trị kênh MKT hiện đại						
2	MK306DE01/ MK306DV01	Quản trị bán lẻ	Retailing Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	MK310DE01/ MK310DV01	Quản trị bán hàng	Sales Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	MK305DE02/ MK305DV02	Quản trị kênh marketing	Marketing Channels Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
5	NT305DV01/ NT305DE01	Nhượng quyền kinh doanh	Franchising	3	45	
6	NT401DV01/ NT401DE01	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Management	3	45	
Tổng cộng				17	255	

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 7 - CHUYÊN NGÀNH (TIẾP TỤC)

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
Trường hợp 1: Chuyên ngành Marketing Management - Quản trị Marketing						
Môn bắt buộc chuyên ngành Marketing Management - Quản trị Marketing						
1	MK403DV01/ MK403DE01	Quản trị quan hệ khách hàng	Customer Relationship Management	3	45	MK202DV01/DE01_Hành vi người tiêu dùng AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
2	MK402DE01/ MK402DV01	Quản trị marketing B2B	B2B Marketing Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
3	MK404DE01/ MK404DV01	Marketing dịch vụ	Service Marketing	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
4, 5, 6, 7	Môn tự chọn bắt buộc chuyên ngành Marketing Management - Quản trị Marketing - Sinh viên chọn 4 trong 6 môn sau					
	MK304DE02/ MK 304DV02	Quan hệ công chúng	Public Relations	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	MK318DE01/ MK318DV01	Phương tiện truyền thông Marketing xã hội	Social Media Marketing	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	MK406DE01/ MK406DV01	Marketing nội dung	Content Marketing	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
	MK310DE01/ MK310DV01	Quản trị bán hàng	Sales Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	MK407DE01/ MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	Events and Sponsors Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6

	MK319DE01/ MK319DV01	Quá trình sáng tạo	Creative Process	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
Trường hợp 2: Chuyên ngành Modern MKT Channel Management – Quản trị kênh MKT hiện đại						
Môn bắt buộc chuyên ngành Modern MKT Channel Management – Quản trị kênh MKT hiện đại						
1	MK412DE01/ MK412DV01	Quản trị bán hàng B2B	B2B Sales Management	3	45	
2	MK413DE01/ MK413DV01	Điều hành bán hàng đa kênh	Omni Channel Operations	3	45	
3	MK411DE01/ MK411DV01	Quản trị khuyến mãi	Sales Promotion Management	3	45	
4, 5, 6, 7	Môn tự chọn bắt buộc chuyên ngành Modern MKT Channel Management – Quản trị kênh MKT hiện đại - Sinh viên chọn 4 trong 6 môn sau					
	MK403DV01/ MK403DE01	Quản trị quan hệ khách hàng	Customer Relationship Management	3	45	MK202DV01/DE01_Hành vi người tiêu dùng AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
	MK303DE01/ MK303DV01	Marketing trực tiếp & định hướng dữ liệu	Direct Marketing & Data driven MKT	3	45	MK202DV01/DE01_Hành vi người tiêu dùng AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	MK302DV01/ MK302DE01	Marketing Quốc tế	International Marketing	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV210DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	NT209DV01/ NT209DE01	Thương mại điện tử	E-commerce	3	45	MK311DE01/DV01_Marketing điện tử AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
	QT401DV03/ QT401DE03	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	45	
	MK407DE01/ MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	Events and Sponsors Management	3	45	MK203DV01/DE01_Marketing căn bản AV211DV01- Anh văn giao tiếp quốc tế 6
Tổng cộng				21	315	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	MK450DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
2	MK451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
Tổng cộng				9		

HỌC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ

- Tổng số tín chỉ tích lũy: 130
- Số tín chỉ GDTC: 3

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021

Điều phối chương trình



Trần Thị Thu Hiền